

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện cải cách hành chính quý I năm 2025
và phương hướng nhiệm vụ công tác quý II năm 2025

Căn cứ Công văn số 172/SNV-CCHC&XDCQ ngày 05/3/2025 của Sở Nội vụ về việc phối hợp báo cáo số liệu công tác cải cách hành chính quý I năm 2025.

Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính Quý I năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ công tác quý II năm 2025, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Thực hiện Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 07/02/2025 của UBND tỉnh về cải cách hành chính tỉnh An Giang năm 2025, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ (hiện nay đã hợp nhất thành Sở Khoa học và Công nghệ) đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025¹ với 7 lĩnh vực và 72 nhiệm vụ (*trong đó: Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện trên 7 lĩnh vực với 43 nhiệm vụ; Sở Khoa học và công nghệ triển khai thực hiện trên 7 lĩnh vực với 50 nhiệm vụ*). Đến nay, việc triển khai thực hiện kế hoạch đã hoàn thành: 09/72 nhiệm vụ, đang thực hiện và chờ văn bản hướng dẫn: 63/72 nhiệm vụ (*theo phụ lục kèm theo*).

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính: không có.

Tuy nhiên, trong kỳ Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch số 357/KH-SKHCN ngày 21/02/2025 về cải cách hành chính Sở Khoa học và Công nghệ năm 2025; Kế hoạch 30/KH-STTTT ngày 25/02/2025 của Sở Thông tin và Truyền thông Cải cách hành chính năm 2025.

Việc tổ chức các hội nghị giao ban công tác cải cách hành chính: không có.

Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị: thực hiện theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh.

Những sáng kiến trong triển khai công tác cải cách hành chính: không có. Bên cạnh đó, Sở Khoa học và Công nghệ thường xuyên khuyến khích, động viên CCVC tại cơ quan nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các mô hình mới, sáng kiến, giải pháp, cách làm hay trong cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu

¹ Kế hoạch số 30/KH-STTTT ngày 25/02/2025 và Kế hoạch số 357/KH-SKHCN ngày 21/02/2025

quả quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

Ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2025².

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Hàng năm, tham mưu ban hành kế hoạch phát hình chuyên mục “Chuyển đổi số và Truyền thông tỉnh” nhằm tuyên truyền nâng cao hiểu biết, nhận thức, trách nhiệm và năng lực chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân; Cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào quản lý, sản xuất, kinh doanh phù hợp từng đối tượng; Tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia tích cực ứng dụng các dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước, hưởng ứng việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả TTHC bằng dịch vụ bưu chính..., Sở Khoa học và Công nghệ đang phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang xây dựng chuyên mục Chuyển đổi số và Truyền thông năm 2025 và đang gửi đề nghị các cơ quan, địa phương đăng ký, đề xuất chủ đề, nội dung tuyên truyền về thực hiện chuyển đổi số thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”³.

- Sở đã có Công văn gửi các Trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh (Trường đại học An Giang, Trường Cao đẳng Y tế, Trường Cao đẳng nghề) đề nghị tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến khi giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trong trường học⁴.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Xây dựng và ban hành các VBQPPL của cơ quan, đơn vị

Trong kỳ, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Ban hành quy định định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang.

Đăng ký nội dung trình tại kỳ họp giữa năm 2025 kỳ họp giữa năm 2025 Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026: Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ; thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý tỉnh An Giang. Thời gian trình: kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh giữa năm 2025.

² Kế hoạch số 383/KH-SKHCN ngày 26/02/2025

³ Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh

⁴ Công văn số 28/SKHCN-PTCN-CDS ngày 07/3/2025

1.2. Công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL của cơ quan, đơn vị

Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và thực hiện Kế hoạch số 383/KH-SKHCN ngày 26/02/2025 Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2025. Trong kỳ, chưa thực hiện việc kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

1.3. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) tại cơ quan, đơn vị

Trong kỳ, Sở chưa thực hiện việc kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) tại cơ quan, đơn vị.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Thực hiện các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương, UBND tỉnh

2.2. Kiểm soát thủ tục hành chính

a) Kiểm soát việc ban hành mới các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, cơ quan, đơn vị

Trong kỳ, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang.

b) Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hoá thủ tục hành chính

- Trong kỳ, Sở không có thủ tục hành chính cần đơn giản hóa.

- Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị: chưa nhận được phản ánh kiến nghị của người dân về việc giải quyết TTHC do Sở Khoa học và Công nghệ phụ trách.

c) Về công khai thủ tục hành chính

Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện niêm yết công khai, minh bạch 100% thủ tục hành chính về: thành phần, số lượng hồ sơ, thời gian, cách thức giải quyết, yêu cầu - điều kiện, mức thu phí và lệ phí thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền trên Cổng dịch vụ công tỉnh và Cổng thông tin điện tử của cơ quan.

d) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

đ) Kết quả giải quyết TTHC

Từ ngày 01/01/2025 đến 09/03/2025, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp nhận và giải quyết 21 hồ sơ⁵ (trong đó 21 hồ sơ tiếp nhận trong kỳ, 0 hồ sơ kỳ trước chuyển sang), theo đó quy trình giải quyết của 21 hồ sơ TTHC được cập nhật trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh; 19 hồ sơ đã giải quyết trước hạn, 02 hồ sơ còn trong thời gian giải quyết, hồ sơ giải quyết đúng hạn, trước hạn đạt tỷ lệ 100%.

⁵ Sở KH&CN: 15 hồ sơ, Sở TT&TT: 06 hồ sơ

Tất cả kết quả giải quyết TTHC được ký số và cung cấp đồng thời cả bản giấy và bản điện tử có giá trị pháp lý cho tổ chức, cá nhân. Tất cả 21 hồ sơ đã được số hóa khi tiếp nhận.

e) Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC: Trong kỳ không phát sinh hồ sơ trễ hẹn.

g) Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh: Trong kỳ Sở không tiếp nhận PAKN.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan, đơn vị

Tổ chức bộ máy Sở Khoa học và Công nghệ được thực hiện theo Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Ban hành quy định định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang.

Hiện tại, Sở Khoa học và Công nghệ có 01 Giám đốc, 04 Phó Giám đốc, 06 phòng chuyên môn và 02 đơn vị trực thuộc (02 đơn vị sự nghiệp công lập).

3.2. Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các sở, ban, ngành, cơ quan chuyên môn của cấp huyện: không có

3.3. Về thực hiện phân cấp quản lý: không có

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm

Sở Khoa học và Công nghệ số công chức viên chức có mặt là 104, hợp đồng lao động 15.

Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ: 28, 03 HĐ. Ngạch đang giữ: 20 Kỹ sư hạng III; 02 kỹ thuật viên; 02 kế toán viên; 01 chuyên viên; 02 HĐLĐ; 01 HĐ theo NĐ 111

Trung tâm Công nghệ sinh học: 24, 05 HĐ. Ngạch đang giữ: 01 CVC; 18 Kỹ sư hạng III; 04 HĐLĐ và 01 HĐLĐ theo NĐ 111

Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông: 27; 6 HĐ.

4.2. Về công chức cấp xã: không có

4.3. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức: không có

4.4. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Tiếp tục cử 02 công chức học nghiên cứu sinh do NSNN hỗ trợ; 03 CCVC tham gia lớp trung cấp chính trị, 01 công chức tham gia lớp cao cấp chính trị, và trên 30 lượt CCVC tham dự các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

4.5. Về đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức: không có

5. Cải cách tài chính công

- Đầu năm, Lãnh đạo Sở đã phối hợp với Công đoàn tổ chức Hội nghị cán bộ công chức công khai tài chính công, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế làm việc, Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động tại cơ quan.

- Thực hiện nghiêm túc Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Đến thời điểm hiện tại, Sở và các đơn vị trực thuộc đều nghiêm túc thực hiện các yêu cầu, quy định về tự chủ tài chính và biên chế.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

6.1. Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030⁶; Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia⁷; Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2025⁸.

- Tính đến tháng 31/01/2025, tổng số cơ quan nhà nước cấp tỉnh hoàn thiện Chính quyền điện tử là 16/20⁹ cơ quan, tỷ lệ 80%. Đối với UBND cấp huyện thì hiện nay do địa phương tự thực hiện đánh giá, việc đánh giá cần thực hiện đến từng phòng, ban, xã, phường, thị trấn; trên cơ sở tổng hợp số liệu đánh giá của các địa phương thì hầu hết các địa phương còn chưa đạt chỉ tiêu “*Dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử*” và “*Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử*”.

a) Hạ tầng công nghệ thông tin:

+ Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% khóm, ấp, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, tìm kiếm thông tin của người dân trong tỉnh; 100% các khu công nghiệp, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện có kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, điều hành; 100% cơ quan nhà nước của tỉnh có mạng cục bộ (LAN) và được kết nối mạng Internet, mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 71,29%; Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: 74,7%; Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng rộng cố

⁶ Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024

⁷ Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 25/02/2025

⁸ Tờ trình số 175/TTr-STTTT ngày 30/12/2024

⁹ (1) Văn phòng UBND tỉnh, (2) Ban Dân tộc, (3) Ban Quản lý khu kinh tế, (4) Sở Công thương, (5) Sở Giáo dục và Đào tạo, (6) Sở Kế hoạch và Đầu tư, (7) Sở Ngoại vụ, (8) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (9) Sở Tài chính, (10) Sở Tài nguyên và Môi trường, (11) Sở Thông tin và Truyền thông, (12) Sở Tư pháp, (13) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, (14) Sở Xây dựng, (15) Thanh tra tỉnh, (16) Sở Khoa học và Công nghệ.

định: 83,17%; Tỷ lệ phủ rộng mạng băng rộng cố định, tỷ lệ phủ sóng 3G/4G đạt 100% các xã toàn tỉnh. Đang khuyến khích các doanh nghiệp đăng ký với tập đoàn/tổng công ty triển khai 5G tại An Giang (Mạng 5G Viettel đã phủ sóng tại thủ phủ 11/11 huyện, thị xã, thành phố trên toàn tỉnh từ ngày 15/10/2024, Mạng di động 5G VNPT đã triển khai phát sóng cuối tháng 11/2024 đầu tháng 12/2024 tại tất cả Trung tâm huyện, thị xã, thành phố, Khu vực trường Đại học, Bệnh viện, chợ, khu dân cư đông đúc trên địa bàn tỉnh An Giang).

+ Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh An Giang được đầu tư đã lâu, trang thiết bị xuống cấp; Trung tâm đang vận hành các hệ thống, ứng dụng dùng chung của tỉnh: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh; Hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng thông tin điện tử tỉnh; Cổng dữ liệu mở tỉnh;... Và đã được phê duyệt cấp độ 3 tại Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Cổng dữ liệu mở tỉnh An Giang được vận hành tại địa chỉ <https://opendata.angiang.gov.vn/>, thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu mở của các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang¹⁰ để cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng; số lượng CQNN cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã cung cấp dữ liệu mở là 180/188¹¹ cơ quan, đạt tỉ lệ 95,74%.

Bước đầu hình thành các cơ sở dữ liệu nền và chuyên ngành, phục vụ triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số.

c) Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang được xây dựng tập trung, thống nhất tại địa chỉ: <https://dichvucong.angiang.gov.vn> và cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin TTHC của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Thực hiện cung cấp dịch vụ công đáp ứng đầy đủ theo danh mục quy định của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh ban hành.

- Tích hợp Hệ thống trả lời tự động TTHC được duy trì và vận hành ổn định nhằm hỗ trợ, giải đáp, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp 24/7 trong quá trình nộp và giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã kết nối và triển khai chính thức 02 nhóm THC: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã có văn bản¹² triển khai chính thức kể từ ngày 25/10/2024; Cấp phiếu lý lịch tư pháp qua ứng dụng VneID, Sở Tư pháp đã có thông báo¹³ triển khai thí điểm việc cấp phiếu lý lịch tư pháp trên Ứng dụng VNeID trên địa bàn tỉnh An Giang từ ngày 11/11/2024 đến 30/6/2025. Kể từ ngày 01/3/2025, Sở Tư pháp kết thúc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và thực hiện dịch

¹⁰ Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 18/8/2023

¹¹ 188 cơ quan gồm: 21 sở, ngành tỉnh; 11 UBND cấp huyện; 156 UBND cấp xã.

¹² Công văn số 1553/UBND-TH ngày 05/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

¹³ Thông báo số 100/TB-STP ngày 11/11/2024 của Sở Tư pháp.

vụ công cấp Phiếu lý lịch tư pháp, chuyển giao nguyên trạng nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và thực hiện dịch vụ công cấp Phiếu lý lịch tư pháp từ Sở Tư pháp sang Công an tỉnh¹⁴.

- Tổ chức tập huấn, triển khai quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và tái sử dụng kết quả giải quyết TTHC trước đó đến 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

d) Hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành triển khai đáp ứng các quy trình nghiệp vụ quy định tại Quyết định 28/2018/QĐ-TTg, đồng thời liên thông gửi nhận văn bản với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương thông qua Trục liên thông văn bản Quốc gia (VDXP), liên thông gửi nhận văn bản giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh (đảm bảo kết nối 100% sở, ban, ngành và tương đương, UBND các cấp), góp phần triển khai thành công Chính quyền điện tử tỉnh và tích hợp chữ ký số.

Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Danh mục mã định danh điện tử các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh ban hành Danh mục mã định danh điện tử các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang¹⁵.

đ) Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc đã triển khai đến nhiều đơn vị cấp Sở, huyện. Theo đó, tài liệu họp có thể số hóa chuyển cho các thành viên tham dự nhằm hạn chế sử dụng văn bản giấy.

e) Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động (LRIS): Đã triển khai thí điểm cho các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng giúp điện tử hóa, chuẩn hóa chế độ, biểu mẫu báo cáo của các cơ quan trên địa bàn tỉnh và kết nối, liên thông với Hệ thống báo cáo Chính phủ. Sở Khoa học và Công nghệ đã trình UBND tỉnh chủ trương lập Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS) trên địa bàn tỉnh An Giang (60 tháng)¹⁶.

g) Cổng thông tin điện tử tỉnh nâng cấp đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định, thực hiện công bố, công khai và cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin của cơ quan nhà nước cho tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng theo quy định tại Điều 4 Nghị định 42/2022/NĐ-CP, thông tin theo quy định của pháp luật; các thông tin tin thiết yếu phục vụ người dân, doanh nghiệp. Cổng thông tin điện tử tỉnh được chuyển đổi sang công nghệ IPv6; kết nối với Hệ thống thu thập đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống Tracking EMC).

h) Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh An Giang (LGSP) thực hiện kết nối liên thông dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với phần mềm, hệ

¹⁴ Thông báo số 406/STP-HCTP ngày 28/02/2025

¹⁵ Tờ trình số 429/TTr-SKHCHN ngày 04/3/2025

¹⁶ Tờ trình số 439/TTr-SKHCHN ngày 05/3/2025

thống nội bộ tỉnh¹⁷; Liên thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (Nền tảng NDXP) với phần mềm, hệ thống 11 bộ, ngành¹⁸. Việc kết nối, liên thông được thực hiện thông qua Nền tảng NDXP đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam hiện hành.

i) Tham mưu thực hiện cập nhật, ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số¹⁹ đảm bảo phù hợp theo Quyết định số 2586/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số và Quyết định số 1729/QĐ-BTTTT ngày 09/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2586/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số.

l) Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh An Giang bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, tổ chức. Hệ thống SOC tỉnh An Giang được cấu hình giám sát các hệ thống thông tin của tỉnh và kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia. Tỷ lệ hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước được xác định và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ là 116/116 hệ thống, đạt 100%. Kể từ ngày 01/3/2025, nhiệm vụ quản lý nhà nước về “an toàn thông tin mạng” đã được chuyển sang Công an tỉnh An Giang quản lý, thực hiện theo Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh.

m) Thiết lập mạng lưới công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai chính quyền số, kinh tế số, và xã hội số đến xã, phường, thị trấn, khóm, ấp: Đã thành lập 1.035 Tổ công nghệ số cộng đồng, có 7.991 thành viên tham gia. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025²⁰, trong đó, tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kỹ năng số, an toàn thông tin mạng; tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ quản trị TTHC, công khai, đồng bộ và tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia; kỹ năng phục vụ truyền thông trên Cổng/Trang TTĐT, mạng xã hội cho cán bộ phụ trách công tác truyền thanh cơ sở; các lớp phổ cập kỹ năng số trên nền tảng trực tuyến mở đại trà.

¹⁷ Phần mềm đăng ký hộ kinh doanh cá thể (Sở Kế hoạch và Đầu tư); Phần mềm quản lý TTHC ngành Tài nguyên môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường)

¹⁸ Phần mềm chuyên ngành Bộ Tư pháp (phần mềm cấp phiếu lý lịch Tư pháp, phần mềm đăng ký, quản lý Hộ tịch trực tuyến: Đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử); Phần mềm chuyên ngành Bộ Tài chính (cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá); Bảo hiểm xã hội Việt Nam (khai thác cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia BHXH); Bộ Kế hoạch đầu tư (thực hiện kết nối CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp); Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc (PayGov); Bộ Xây dựng (Hệ thống dịch vụ công thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua); Bộ Tài nguyên và Môi trường (Phần mềm VBDLIS, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung); Bộ Công an (Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến), Bộ Nội vụ (Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức), Bộ Giao thông vận tải (Hệ thống dịch vụ công lĩnh vực đường bộ)

¹⁹ Quyết định số 2135/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

²⁰ Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 22/01/2025

n) Hàng năm, tham mưu ban hành kế hoạch phát hình chuyên mục “Chuyển đổi số và Truyền thông tỉnh” nhằm tuyên truyền nâng cao hiểu biết, nhận thức, trách nhiệm và năng lực chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân; Cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào quản lý, sản xuất, kinh doanh phù hợp từng đối tượng; Tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia tích cực ứng dụng các dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước, hưởng ứng việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả TTHC bằng dịch vụ bưu chính..., Sở Khoa học và Công nghệ đang phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang xây dựng chuyên mục Chuyển đổi số và Truyền thông năm 2025 và đang gửi đề nghị các cơ quan, địa phương đăng ký, đề xuất chủ đề, nội dung tuyên truyền về thực hiện chuyển đổi số thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương.

6.2. Về soạn thảo, lưu trữ văn bản thủ tục hành chính

- Triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác văn thư, lưu trữ năm 2025 theo Văn bản số 76/UBND-TH ngày 17 tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ, từng bước đưa công tác văn thư, lưu trữ của cơ quan đi vào nề nếp, khoa học theo quy định của pháp luật về công tác văn thư, lưu trữ, Sở đã ban hành Kế hoạch văn thư, lưu trữ năm 2025.

- Tạo lập hồ sơ công việc điện tử của công chức, viên chức; số hóa, lưu trữ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị: Tất cả các hồ sơ giải quyết TTHC của Sở đều được nhập, xử lý, số hóa theo quy định trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đảm bảo tỷ lệ 100%. Kết quả giải quyết TTHC cũng được lưu trữ vào Kho quản lý dữ liệu điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đáp ứng yêu cầu tái sử dụng dữ liệu.

6.3. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

- Báo cáo tình hình xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 gửi Bộ Khoa học và Công nghệ và Báo cáo về việc bổ sung hồ sơ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của 17 cơ quan, trường THPT theo Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ban hành Công văn gửi Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân thị xã Tịnh Biên, huyện Tri Tôn, Thoại Sơn, An Phú, Châu Phú, Châu Thành, Chợ Mới, Phú Tân đề nghị phối hợp thực hiện và góp ý Kế hoạch xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại 121 trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2025.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

- Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có sự đồng thuận, quan tâm chỉ đạo quyết liệt trong việc triển khai, hoàn thành tốt các nội dung của lĩnh vực “Xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số”, ứng dụng CNTT và đảm bảo an toàn thông tin mạng; Quan tâm, quyết liệt trong chỉ đạo đề cải thiện Bộ chỉ số phục vụ người dân,

doanh nghiệp thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo thời gian thực theo Quyết định số 766/QĐ-TTg.

- Hạ tầng số đã được triển khai cơ bản, tỉ lệ internet cáp quang, di động được nâng cao phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Các hệ thống thông tin dùng chung trong CQNN hoạt động ổn định, liên tục, các sự cố phát sinh được hỗ trợ, khắc phục kịp thời.

- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang tích cực hỗ trợ, đồng hành cùng cơ quan, địa phương thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, thúc đẩy các chương trình, kế hoạch hành động góp phần cải thiện chỉ số CCHC tỉnh.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

- Việc thay đổi văn bản, chính sách, quy định liên quan đến đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án, kế hoạch, chương trình.

- Một số cơ quan, địa phương vẫn chưa đạt các chỉ tiêu về chính quyền điện tử, đặc biệt là tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử; dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử.

- Công chức, viên chức thực hiện tiếp nhận, xử lý, trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa và văn thư cấp xã thường xuyên thay đổi, công tác bàn giao, cấp tài khoản, hướng dẫn sử dụng chưa kịp thời nên thao tác xử lý nghiệp vụ còn lúng túng chưa đảm bảo triển khai đúng quy định số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và phát hành 100% điện tử có ký số.

- Nguồn nhân lực công nghệ thông tin và an toàn thông tin còn hạn chế, cán bộ phụ trách chuyển đổi số ở các cơ quan, địa phương chủ yếu vẫn là kiêm nhiệm và thường xuyên thay đổi vị trí công tác, dẫn đến việc triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn gặp những khó khăn nhất định.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC QUÝ II NĂM 2025

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, địa phương sớm hoàn thiện chính quyền điện tử trong năm 2025, phấn đấu đạt mục tiêu 90% cơ quan Nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử; Theo dõi, kiểm tra, nhắc nhở và báo cáo tình hình kết quả triển khai thực hiện của các cơ quan chưa đạt các tiêu chí chính quyền điện tử

- Đẩy mạnh thực hiện xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đảm bảo an toàn và an ninh thông tin mạng.

- Tập trung tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2024 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” trên

địa bàn tỉnh An Giang.

- Triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ theo Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch số 1033/KH-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang triển khai Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Triển khai Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh An Giang giai đoạn 2023 – 2025. Thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn tỉnh; Chuyển đổi toàn bộ hệ thống thông tin, ứng dụng của tỉnh sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6); sử dụng tên miền quốc gia (.vn); Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và thế hệ tiếp theo trên địa bàn tỉnh.

- Phổ cập kiến thức chuyển đổi số; an toàn, an ninh thông tin mạng từ hệ thống chính trị ra cộng đồng thông qua các tổ chức chính trị, xã hội và giáo dục phổ thông; Triển khai hiệu quả hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng để hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng, kỹ năng số, qua đó hình thành thể hệ công dân điện tử, là nền tảng quyết định của xã hội điện tử, xã hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không có

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính quý I năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ công tác quý II năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Sở KHCN: BGD, các phòng, TT;
- Lưu: VT, P.PTCN-CĐS.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Hải

Phụ lục
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN QUÝ I NĂM 2025

Stt1	Stt2	Lĩnh vực/nhiệm vụ	Cơ quan/phòng, ban chủ trì thực hiện	Kết quả	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
	I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH				
1.	1	Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	Kế hoạch	Tháng 02/2025	Đã hoàn thành
2.	2.	Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2025	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	Kế hoạch	Quý I/2025	Chờ Kế hoạch UBND tỉnh
3.	3.	Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2025	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	Kế hoạch	Quý I/2025	Chờ Kế hoạch UBND tỉnh
4.	4.	Kế hoạch phát động thi đua cải cách hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2025	Sở KH&CN (Văn phòng)	Kế hoạch	Quý II/2025	Đang thực hiện
5.	5.	Triển khai đánh giá, công bố kết quả Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2024	Sở KH&CN (Văn phòng)	Kết quả đánh giá Chỉ số hài lòng năm 2024	Quý II/2025	Đang thực hiện
6.	6.	Triển khai đánh giá, công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2024	Sở KH&CN (Văn phòng)	Kết quả đánh giá Chỉ số CCHC năm 2024	Quý II/2025	Đang thực hiện
7.	7.	Kế hoạch triển khai lập hồ sơ điện tử trên hệ thống quản lý văn	Sở TT&TT (Văn phòng)		Quý	Đang thực

Stt1	Stt2	Lĩnh vực/nhiệm vụ	Cơ quan/phòng, ban chủ trì thực hiện	Kết quả	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
		bản iOffice			I/2025	hiện
8.	8.	Kế hoạch thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tỉnh năm 2025	Sở TT&TT (P.KHTC), Sở KH&CN (Văn phòng)	Kế hoạch	Quý II/2025	Chưa thực hiện
9.	9.	Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) của tỉnh An Giang năm 2025	Sở TT&TT (P.KHTC), Sở KH&CN (Văn phòng)	Kế hoạch	Quý I/2025	Chưa thực hiện
10	10.	Thông tin, công bố đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (DDCI) của tỉnh An Giang năm 2024 và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) của tỉnh An Giang năm 2024.	Sở KH&CN (Văn phòng)	Kết quả đánh giá Chỉ số DDCI, PCI năm 2024	Quý II/2025	
11	11.	Báo cáo định kỳ công tác cải cách hành chính tỉnh An Giang (quý I, 6 tháng, quý III và tổng kết năm)	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	Báo cáo	Theo hướng dẫn của Sở Nội vụ	
12	12.	Cử CCVC tham gia đoàn đi học tập thực tế những kinh nghiệm trong thực hiện công tác cải cách hành chính, những cách làm hay, sáng kiến mang tính đột phá, hiệu quả của các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh để vận dụng, áp dụng vào nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính của cơ quan.	Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản triển khai	Khi các sở, ban, ngành có đề nghị	
13	13.	Khảo sát mức độ hài lòng của người dân đối với việc cung ứng các dịch vụ công lĩnh vực KH&CN năm 2025	Sở KH&CN (Văn phòng)	Kế hoạch	Quý IV/2025	
14	14.	Cử thành viên họp Ban Chỉ đạo Chương trình cải cách hành chính tỉnh định kỳ theo quy chế hoạt động	Sở KH&CN (Văn phòng)	Tài liệu họp	Năm 2025	

Stt1	Stt2	Lĩnh vực/nhiệm vụ	Cơ quan/phòng, ban chủ trì thực hiện	Kết quả	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
	II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
15.	1.	Danh mục văn bản Quy phạm pháp luật HĐND, UBND tỉnh năm 2025	Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản đề xuất	Quý I/2025	
		Rà soát và trình cấp trên ban hành các Văn bản sau:	Sở KH&CN (Văn phòng)			
15.1	1.1	Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ và đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý tỉnh An Giang.	Sở KH&CN (P.KH-TC)	Nghị quyết HĐND tỉnh	Quý II/2025 (Kỳ họp giữa năm 2025)	Thực hiện đăng ký rà soát, đăng ký nội dung trình tại kỳ họp giữa năm 2025 kỳ họp giữa Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 (Công văn số 17/SKH-CN-

Stt1	Stt2	Lĩnh vực/nhiệm vụ	Cơ quan/phòng, ban chủ trì thực hiện	Kết quả	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
						KHTC ngày 07/3/2025
15.2	1.2	Quyết định ban hành Quy định quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang	Sở KH&CN (P.PTCN-CDS)	Quyết định của UBND tỉnh	Quý IV/2025	
15.3	1.3	Quyết định ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND)	Sở KH&CN (P.QLKH)	Quyết định của UBND tỉnh	Quý IV/2025	
15.4	1.4	Quyết định ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND)	Sở KH&CN (P.QLKH)	Quyết định của UBND tỉnh	Quý IV/2025	
15.5	1.5	Quyết định ban hành Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang	Sở KH&CN (P.KHTC)	Quyết định của UBND tỉnh	Quý II/2025	Đã trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định ban hành quy định mức KTKT (Tờ trình số 2319/TTr-SKHCN ngày

Stt1	Stt2	Lĩnh vực/nhiệm vụ	Cơ quan/phòng, ban chủ trì thực hiện	Kết quả	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
						31/12/2024
16.	2.	Thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật năm 2025 (thu thập thông tin; kiểm tra; điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật)	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	Kế hoạch, Báo cáo	Tháng 02/2025	
17.	3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	Báo cáo	Năm 2025	
18.	4	Thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật (công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực; kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL; xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, kiến nghị), nếu có.	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản rà soát	Năm 2025	
	III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
19.	1.	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (không có thủ tục hành chính ban hành trái thẩm quyền; xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát)	Sở KH&CN (Văn phòng)	- Kế hoạch; - Báo cáo; - Các văn bản xử lý	Năm 2025	

Stt1	Stt2	Lĩnh vực/nhiệm vụ	Cơ quan/phòng, ban chủ trì thực hiện	Kết quả	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
20.	2.	Công bố, công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	- Quyết định của UBND tỉnh; - Báo cáo	Thường xuyên	
21.	3.	Nâng cao chất lượng cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả hoạt động Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	- Quyết định của UBND tỉnh; - Báo cáo; - Các văn bản triển khai	Thường xuyên	
22.	4.	Tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản xử lý	Thường xuyên	
23.	5.	Hàng tháng theo dõi kết quả đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và danh sách cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan, đơn vị để xảy ra chậm trễ theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ được công khai do Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp.	Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản xử lý	Thường xuyên	
24.	6.	Hàng tháng theo dõi danh sách phòng, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức giải quyết chậm, trễ hạn hồ sơ TTHC được công khai do Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp.	Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản xử lý	Thường xuyên	

Stt1	Stt2	Lĩnh vực/nhiệm vụ	Cơ quan/phòng, ban chủ trì thực hiện	Kết quả	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
	IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC				
25.	1.	Thực hiện biên chế công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đảm bảo theo số của Trung ương, UBND tỉnh giao (thực hiện theo văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh).	Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản triển khai (kh UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn)	Năm 2025	
26.	2.	Hoàn thành phê duyệt Đề án vị trí việc làm cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản triển khai	Năm 2025	
27.	3.	Rà soát, đề xuất danh sách đối tượng đủ điều kiện thực hiện tinh giản biên chế năm 2025	Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản triển khai	Năm 2025	
28.	4.	Rà soát và ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn (hoặc sửa đổi, bổ sung) của Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị trực thuộc Sở.	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản triển khai (kh UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn)	Năm 2025	

Stt1	Stt2	Lĩnh vực/nhiệm vụ	Cơ quan/phòng, ban chủ trì thực hiện	Kết quả	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
29.	5.	Đề án Hợp nhất Sở thông tin và Truyền thông và Sở Khoa học và Công nghệ thành Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang	Sở TT&TT (Văn phòng)		Năm 2025	
	V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
30.	1.	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	Kế hoạch	- KH ban hành đảm bảo theo hướng dẫn của Sở Nội vụ. - BC năm tháng 01 năm 2025	
31.	2.	Cử CCVC tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề cải cách hành chính, các kỹ năng hành chính, văn hóa công sở, đạo đức công vụ	Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản đề xuất	Quý II, III/2025	

Stt1	Stt2	Lĩnh vực/nhiệm vụ	Cơ quan/phòng, ban chủ trì thực hiện	Kết quả	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
32.	3.	Cơ cấu, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản triển khai	Năm 2025	
33.	4.	Tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật quy định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang theo lộ trình cải cách chính sách tiền lương (sau khi Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh, Sở Tài chính có văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện)	Sở KH&CN (P.KHTC)	Văn bản triển khai	Năm 2025	Chưa thực hiện do chưa có văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền
34.	5.	Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản triển khai	Năm 2025	
	VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
35.	1.	Tổ chức thực hiện đúng quy định về công tác tài chính – ngân sách (giải ngân Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước, sử dụng kinh phí...)	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (P.KHTC)	Văn bản triển khai	Năm 2025	Đã xây dựng dự thảo quy chế chi tiêu nội bộ
36.	2.	Quản lý, sử dụng tài sản công hiệu quả (tổ chức thực hiện, kiểm tra...)	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản triển khai	Năm 2025	

Stt1	Stt2	Lĩnh vực/nhiệm vụ	Cơ quan/phòng, ban chủ trì thực hiện	Kết quả	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
37.	3.	Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định 130/2005/N/Đ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ	Sở TT&TT (Trung tâm KH, CN&CĐS), Sở KH&CN (P.KHTC)	Báo cáo	Năm 2025	Thực hiện báo cáo vào cuối năm
38.	4.	Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các Nghị định khác có liên quan (nếu có)	Sở TT&TT (Văn phòng), Sở KH&CN (Văn phòng)	Báo cáo	Năm 2025	
39.	5.	Triển khai quy định của Trung ương về đổi mới cơ chế tự chủ về tài chính tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (khi có văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương)	Sở KH&CN (P.KHTC)	Văn bản triển khai	Năm 2025	Chưa có văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương
40.	6.	Thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần giai đoạn 2023 - 2025 sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục	Sở KH&CN (P.KHTC)	Văn bản triển khai	Năm 2025	Đề xuất chưa đưa các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở chuyển thành công ty cổ phần giai đoạn 2023 - 2025 ²¹
	VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ,				

²¹ Báo cáo số 290/BC-SKHCN ngày 14/02/2025

Stt1	Stt2	Lĩnh vực/nhiệm vụ	Cơ quan/phòng, ban chủ trì thực hiện	Kết quả	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
		CHÍNH QUYỀN SỐ				
41.	1.	Kế hoạch Chuyển đổi của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2025	Sở KH&CN (Văn phòng)	Kế hoạch	Tháng 02/2025	
42.	2.	Kế hoạch phát động thi đua chuyển đổi số và đảm bảo An toàn thông tin mạng gắn với cải cách hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ	Sở KH&CN (Văn phòng)	Kế hoạch	Quý I/2025	
43.	3.	Triển khai, vận hành hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản triển khai	Năm 2025	
44.	4.	Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2020 - 2025	Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản triển khai	Năm 2025	
45.	5.	Xây dựng tài liệu tuyên truyền (quyển, tờ rơi, video clip) về Chuyển đổi số, Chính phủ số, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước	Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản triển khai	Năm 2025	
46.	6.	Tổ chức triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa các cấp và thực số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.	Sở KH&CN (Văn phòng)	Báo cáo, Kế hoạch hoặc các văn bản triển khai	Năm 2025	
47.	7.	Cử CCVC tham dự các lớp tập huấn nâng cao nhận thức kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước.	Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản triển khai	Năm 2025	
48.	8.	Rà soát, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Sở KH&CN (Văn phòng)	Văn bản triển khai	Năm 2025	
49.	9.	Số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả	Sở KH&CN (Văn phòng)	Báo cáo,	Năm 2025	

Stt1	Stt2	Lĩnh vực/nhiệm vụ	Cơ quan/phòng, ban chủ trì thực hiện	Kết quả	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
		giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công		Kế hoạch hoặc các văn bản triển khai		
50.	10.	Thực hiện rà soát, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông).	Sở KH&CN (Văn phòng)	Kế hoạch hoặc các văn bản triển khai	Năm 2025	
51.	11.	Thực hiện nâng cấp, hiệu chỉnh, bổ sung Phân hệ theo dõi nhiệm vụ Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, kết nối tích hợp với Phân hệ theo dõi nhiệm vụ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, bảo đảm hiển thị theo thời gian thực (theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông).	Sở KH&CN (Văn phòng)	Kế hoạch hoặc các văn bản triển khai	Năm 2025	
52.	12.	Thực hiện số hóa, lưu kho, tái sử dụng kết quả giải quyết TTHC trước đó khi giải quyết hồ sơ TTHC (theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông).	Sở KH&CN (Văn phòng)	Kế hoạch hoặc các văn bản triển khai	Năm 2025	
53.	13.	100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình (đủ điều kiện) được cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Hoàn thành
54.	14.	60% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Hoàn thành
55.	15.	50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Hoàn thành

Stt1	Stt2	Lĩnh vực/nhiệm vụ	Cơ quan/phòng, ban chủ trì thực hiện	Kết quả	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
56.	16.	80% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Hoàn thành
57.	17.	100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử và giữa cơ quan nhà nước và cơ quan đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội hoàn toàn qua môi trường mạng	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Đang thực hiện
58.	18.	100% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng báo cáo công việc	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Đang thực hiện
59.	19.	100% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Đang thực hiện
60.	20.	80% người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh An Giang cung cấp; Nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần tạo sự đồng thuận cao nhất trong nhân dân	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Đang thực hiện
61.	21.	40% người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Hoàn thành
62.	22.	50% hồ sơ giải quyết trực tuyến	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Hoàn thành
63.	23.	60% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Đang thực hiện
64.	24.	90% hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, 80% cấp	Sở TT&TT	Báo cáo	Năm 2025	Hoàn thành

Stt1	Stt2	Lĩnh vực/nhiệm vụ	Cơ quan/phòng, ban chủ trì thực hiện	Kết quả	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
		huyện, 65% cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	(P.PTCN&CĐS)			
65.	25.	Phấn đấu 10% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Đang thực hiện
66.	26.	100% thông tin quy hoạch được cập nhật, công bố, công khai cho người dân trên cổng thông tin, hệ thống công bố thông tin	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Đang thực hiện
67.	27.	Tối thiểu từ 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Đang thực hiện
68.	28.	100% hồ sơ thủ tục hành chính đã giải quyết thành công được số hóa, lưu trữ và có giá trị tái sử dụng	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Đang thực hiện
69.	29.	100% cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước được tuyên truyền, cập nhật kiến thức an toàn – an ninh thông tin.	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Đang thực hiện
70.	30.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 100%	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Đang thực hiện
71.	31.	Duy trì CQNN hoàn thiện Chính quyền điện tử tối thiểu đạt 90%	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Đang thực hiện

Stt1	Stt2	Lĩnh vực/nhiệm vụ	Cơ quan/phòng, ban chủ trì thực hiện	Kết quả	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
72.	32.	100% hệ thống thông tin của CQNN được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt.	Sở TT&TT (P.PTCN&CĐS)	Báo cáo	Năm 2025	Hoàn thành